

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU  
KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

KHOA  
KINH TẾ VÀ LUẬT

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025-2026  
(Từ ngày 02/3/2026 đến 08/3/2026)

TUẦN 25

| TUẦN 25         |   | Thứ 2<br>(02/3)                           | Thứ 3<br>(03/3)                           | Thứ 4<br>(04/3)                          | Thứ 5<br>(05/3)                        | Thứ 6<br>(06/3)                             | Thứ 7<br>(07/3)                       |
|-----------------|---|-------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------|
| 16DKT1          | S | ĐI THỰC TẬP TỐT NGHIỆP                    |                                           |                                          |                                        |                                             |                                       |
|                 | C |                                           |                                           |                                          |                                        |                                             |                                       |
| 16DKT2          | S |                                           |                                           |                                          |                                        |                                             |                                       |
|                 | C |                                           |                                           |                                          |                                        |                                             |                                       |
| 16DQT           | S |                                           |                                           |                                          |                                        |                                             |                                       |
|                 | C |                                           |                                           |                                          |                                        |                                             |                                       |
| 16DTCNH         | S |                                           |                                           |                                          |                                        |                                             |                                       |
|                 | C |                                           |                                           |                                          |                                        |                                             |                                       |
| 17DKT1          | S | Kế toán quản trị 2-4t<br>T. Phước- GD4    | Kế toán HCSN- 4t<br>T. Thắng-GD2          |                                          | Hệ thống TTKT - 4t<br>C. Lan- P.C01    | Kế toán tài chính 3- 4t<br>C. Kim Ngân- GD1 |                                       |
|                 | C | Kế toán ngân hàng- 4t<br>C. Hậu- GD1      |                                           | Kế toán ngân hàng- 4t<br>C. Hậu- P.C03   |                                        |                                             |                                       |
| 17DKT2          | S | Hệ thống TTKT -4t<br>C. Hồng Nga- GD1     |                                           | Kế toán HCSN- 4t<br>T. Thắng- P.C02      |                                        |                                             |                                       |
|                 | C |                                           |                                           | Kế toán quản trị 2-4t<br>T. Phước- P.C08 | Kế toán ngân hàng- 4t<br>C. Hậu- P.C02 | Kế toán ngân hàng- 4t<br>C. Hậu- GD1        | Kế toán tài chính 3- 4t<br>C. Hà- GD1 |
| 17DQTKD1<br>GD1 | S |                                           |                                           | Marketing TM & DV- 4t<br>C. Mỹ Phương    | Quản trị sản xuất-4t<br>C. Hợp         |                                             |                                       |
|                 | C |                                           |                                           | Nghiên cứu Marketing -4t<br>T. Tùng      |                                        |                                             |                                       |
| 17DQTKD2<br>GD5 | S |                                           | Marketing TM & DV- 4t<br>C. Mỹ Phương     | Quản trị sản xuất-4t<br>C. Hợp           |                                        |                                             |                                       |
|                 | C | Quản trị chiến lược-4t<br>C. Loan         |                                           |                                          |                                        | Nghiên cứu Marketing -4t<br>T. Tùng         |                                       |
| 17DTCNH<br>GD3  | S | Bảo hiểm - 4t<br>T. Khiêm                 | Tài chính DN 2 - 4t<br>C. Hồng Nga- P.C08 | Thanh toán quốc tế - 4t<br>C. Mai Ly     | Thị trường CK - 4t<br>C. Yển           |                                             |                                       |
|                 | C | Thẩm định tín dụng-4t<br>C. Nguyễn Phương |                                           |                                          | Nghịệp vụ NHTW- 4t<br>T. Hoàng Sơn     |                                             |                                       |

| TUẦN 25         |   | Thứ 2<br>(02/3)                                            | Thứ 3<br>(03/3)                                             | Thứ 4<br>(04/3)                                               | Thứ 5<br>(05/3)                                               | Thứ 6<br>(06/3)                                            | Thứ 7<br>(07/3)                                                    |
|-----------------|---|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 18DKT1<br>P.C07 | S | Kế toán quản trị 1 – 4t<br><b>C.Trang</b>                  | Tư tưởng HCM- 4t<br>(Ghép 18DKT2)<br><b>C. Tuyết- GD3</b>   | Anh văn CN– 4t<br><b>C. Thảo</b>                              | Tài chính tiền tệ - 4t<br><b>C. Mai Ly</b>                    |                                                            |                                                                    |
|                 | C |                                                            | Kế toán quản trị 1 – 4t<br><b>C.Trang</b>                   | Phương pháp NCKH -4t<br><b>C. Bé</b>                          |                                                               |                                                            | Kế toán tài chính 1- 4t<br><b>T. Kết</b>                           |
| 18DKT2<br>P.C08 | S | Anh văn CN– 4t<br><b>C. Sang</b>                           | Tư tưởng HCM- 4t<br>(Ghép 18DKT1)<br><b>C. Tuyết- GD3</b>   | Kế toán tài chính 1- 4t<br><b>T. Khiêm</b>                    |                                                               |                                                            | Kế toán quản trị 1 – 4t<br><b>C. Hà- GD1</b>                       |
|                 | C |                                                            | Phương pháp NCKH -4t<br><b>C. Bé</b>                        |                                                               | Tài chính tiền tệ - 4t<br><b>C. Mai Ly</b>                    |                                                            |                                                                    |
| 18DQTKD<br>GD2  | S | Hành vi khách hàng- 4t<br><b>C. Hợp</b>                    |                                                             |                                                               | Anh văn CN– 4t<br><b>C. Huyền</b>                             | Tư tưởng HCM- 4t<br>(Ghép 18DQTDL&LH)<br><b>C. Tuyết</b>   | Nguyên lý kế toán-4t<br><b>T. Kết</b>                              |
|                 | C |                                                            | Phương pháp NCKH-4t<br>(ghép 18DDLH)<br><b>T. Lân</b>       |                                                               | Kinh tế lượng - 4t<br><b>C. Bé</b>                            |                                                            |                                                                    |
| 18DDLH          | S | Tiếng anh CN DLLH-4t<br><b>T. Đua- P.C02</b>               |                                                             | Kinh tế vi mô- 4t<br><b>T. Bằng- P.C03</b><br>(ghép 19DQTKD1) | Kinh tế vi mô- 4t<br><b>T. Bằng- P.C03</b><br>(ghép 19DQTKD1) | Tư tưởng HCM- 4t<br>(Ghép 18DQTKD)<br><b>C. Tuyết- GD2</b> | Lý thuyết XS và TKT– 4t<br>(ghép 19DQTKD1)<br><b>T. Tâm- P.C03</b> |
|                 | C | Luật kinh tế- 4t<br>(Ghép 19DQTKD1)<br><b>C. Lý- P.C03</b> | Phương pháp NCKH-4t<br>(ghép 18DQTKD)<br><b>T. Lân- GD2</b> |                                                               |                                                               | Kinh tế du lịch - 4t<br><b>C. Bé – P.C03</b>               |                                                                    |
| 18DTCNH<br>GD4  | S |                                                            | Tư tưởng HCM- 4t<br><b>T. Thủ- GD1</b>                      | Toán tài chính - 4t<br><b>C. Yên</b>                          | Thuế- 4t<br><b>C. Nguyễn Phương</b>                           |                                                            |                                                                    |
|                 | C | Phương pháp NCKH - 4t<br><b>C. Bé</b>                      | Tư tưởng HCM- 4t<br><b>T. Thủ- GD1</b>                      | Nguyên lý kế toán- 4t<br><b>T. Lực</b>                        | Quản trị học căn bản -4t<br><b>C. Hiền</b>                    |                                                            |                                                                    |
| 19DKT1<br>P.C01 | S | Tiếng Anh căn bản 2–4t<br><b>T. Trung</b>                  | Lý thuyết XS và TKT– 4t<br><b>T. Linh</b>                   | Kinh tế chính trị MLN-4t<br><b>C. Thoảng</b>                  |                                                               | Toán kinh tế– 4t<br><b>T. Hoàn</b>                         | Kinh tế chính trị MLN-4t<br><b>C. Thoảng</b>                       |
|                 | C |                                                            | Luật Kinh tế- 4t<br><b>C. Thêm</b>                          | Kinh tế vi mô - 4t<br><b>T. Lân</b>                           |                                                               | Tiếng Anh căn bản 2–4t<br><b>T. Trung</b>                  |                                                                    |

| TUẦN 25           |   | Thứ 2<br>(02/3)                                    | Thứ 3<br>(03/3)                              | Thứ 4<br>(04/3)                                        | Thứ 5<br>(05/3)                                        | Thứ 6<br>(06/3)                                  | Thứ 7<br>(07/3)                                            |
|-------------------|---|----------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 19DKT2<br>P.C02   | S |                                                    | Kinh tế vi mô - 4t<br><b>T. Lân</b>          |                                                        | Tiếng Anh căn bản 2–4t<br><b>C. Tú</b>                 | Lý thuyết XS và TKT– 4t<br><b>T. Vĩnh Sơn</b>    |                                                            |
|                   | C | Kinh tế chính trị MLN-4t<br><b>C. Thoảng</b>       |                                              | Luật Kinh tế- 4t<br><b>C. Khuyên</b>                   |                                                        | Toán kinh tế– 4t<br><b>T. Tâm</b>                | Kinh tế chính trị MLN-4t<br><b>C. Thoảng</b>               |
| 19DQTKD1<br>P.C03 | S | Kinh tế chính trị MLN-4t<br><b>C. Thoảng</b>       | Tiếng Anh căn bản 2–4t<br><b>T. Trung</b>    | Kinh tế vi mô- 4t<br><b>T. Bằng</b><br>(ghép 18DDLLH)) | Kinh tế vi mô- 4t<br><b>T. Bằng</b><br>(ghép 18DDLLH)) | Quản trị học căn bản - 4t<br><b>C. Bích Ngân</b> | Lý thuyết XS và TKT– 4t<br>(ghép 18DDLLH)<br><b>T. Tâm</b> |
|                   | C | Luật kinh tế- 4t<br>(Ghép 18DDLLH)<br><b>C. Lý</b> | Kinh tế chính trị MLN-4t<br><b>C. Thoảng</b> |                                                        | Tiếng Anh căn bản 2–4t<br><b>T. Trung</b>              |                                                  |                                                            |
| 19DQTKD2<br>P.C04 | S | Tiếng Anh căn bản 2–4t<br><b>C. Ý</b>              | Luật Kinh tế- 4t<br><b>C. Lý</b>             | Quản trị học căn bản - 4t<br><b>C. Bích Ngân</b>       | Lý thuyết XS và TKT– 4t<br><b>T. Hoàn</b>              |                                                  |                                                            |
|                   | C |                                                    |                                              | Kinh tế chính trị MLN-4t<br><b>C. Thoảng</b>           | Kinh tế vi mô- 4t<br><b>T.An</b>                       |                                                  |                                                            |
| 19DTCNH1<br>P.C05 | S |                                                    | Kinh tế chính trị MLN-4t<br><b>C. Thoảng</b> |                                                        | Nguyên lý TKKT - 4t<br><b>T. Lân</b>                   | Kinh tế chính trị MLN-4t<br><b>C. Thoảng</b>     |                                                            |
|                   | C | Toán kinh tế - 4t<br><b>C. Hiền</b>                | Kinh tế vi mô- 4t<br><b>T.An</b>             | Tiếng Anh căn bản 2–4t<br><b>C. Đào</b>                | Luật Kinh tế- 4t<br><b>C. Khuyên</b>                   | Tiếng Anh căn bản 2–4t<br><b>C. Đào</b>          |                                                            |
| 19DTCNH2<br>P.C06 | S |                                                    |                                              | Nguyên lý TKKT - 4t<br><b>T. Lân</b>                   | Luật Kinh tế- 4t<br><b>C. Khuyên</b>                   |                                                  |                                                            |
|                   | C |                                                    | Toán kinh tế - 4t<br><b>C. Hiền</b>          | Kinh tế vi mô- 4t<br><b>T.An</b>                       | Tiếng Anh căn bản 2–4t<br><b>T. Nam Trung</b>          | Kinh tế chính trị MLN-4t<br><b>C. Thoảng</b>     |                                                            |

Cà Mau, ngày 26 tháng 02 năm 2026

**KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT**

### THÔNG TIN LIÊN HỆ GIẢNG VIÊN

| TT | Họ và tên              | Số điện thoại  | Mail                  |
|----|------------------------|----------------|-----------------------|
| 1  | Trịnh Hữu Lực          | 0949.001.100   | thluc@blu.edu.vn      |
| 2  | Trịnh Hoàng Sơn        | 0983.720.540   | thson@blu.edu.vn      |
| 3  | Võ Hoàng Khiêm         | 0913.892.933   | vhkhiem@blu.edu.vn    |
| 4  | Quách Thị Hải Yến      | 0919.727.903   | qthyen@blu.edu.vn     |
| 5  | Nguyễn Thị Phương      | 0913.779.948   | ntphuong@blu.edu.vn   |
| 6  | Lê Huỳnh Như           | 0913.648.489   | lhnhu@blu.edu.vn      |
| 7  | Lê Hồng Nga            | 0917.670.673   | lhnga@blu.edu.vn      |
| 8  | Nguyễn Thị Thu Hậu     | 0382.602.216   | ntthuhau@blu.edu.vn   |
| 9  | Nguyễn Thị Diễm Trang  | 0943.805.279   | ntdtrang@blu.edu.vn   |
| 10 | Bùi Thị Thu Lan        | 0942.307.404   | bttlan@blu.edu.vn     |
| 11 | Trần Thị Kim Ngân      | 0944.226.112   | ttkngan@blu.edu.vn    |
| 12 | Nguyễn Văn Ngoan       | 0989.689.004   | nvngoan@blu.edu.vn    |
| 13 | Tăng Thành Phước       | 0912.808.972   | ttphuoc@blu.edu.vn    |
| 14 | Lê Thanh Tùng          | 0913.149.004   | lttung@blu.edu.vn     |
| 15 | Võ Thị Phương Hồng Hợp | 0947.198.361   | vtphhop@blu.edu.vn    |
| 16 | Phạm Mỹ Phương         | 0944.335.594   | pmphuong@blu.edu.vn   |
| 17 | Phạm Thị Kim Loan      | 0988.684.266   | ptkloan@blu.edu.vn    |
| 18 | Bùi Thị Hiền           | 0356.045.464   | bthien@blu.edu.vn     |
| 19 | Nguyễn Thị Hằng Nga    | 0907.703.790   | nthnga@blu.edu.vn     |
| 20 | Nguyễn Thị Bích Ngân   | 0939. 016. 299 | ntbngan@blu.edu.vn    |
| 21 | Nguyễn Lê Lý           | 0988.138.099   | nguyenlely@blu.edu.vn |
| 22 | Trương Thị Bé          | 0914.874.004   | truongbe@blu.edu.vn   |
| 23 | Lê Thị Thêm            | 0947.746.002   | ltthem@blu.edu.vn     |
| 24 | La Thùy Diễm           | 0967.077.778   | ltdiem@blu.edu.vn     |
| 25 | Dương Thế Lâm          | 0911.004.005   | dtlan@blu.edu.vn      |
| 26 | Mai Hòa An             | 0932.862.119   | mhan@blu.edu.vn       |
| 27 | Trần Hà Bảo Khuyên     | 0916.475.168   | thbkhuyen@blu.edu.vn  |
| 28 | Ngô Vũ Mai Ly          | 0982.120.486   | nvmlly@blu.edu.vn     |
| 29 | Tô Vĩnh Sơn            | 0943.726.707   | tvson@blu.edu.vn      |
| 30 | Đặng Trung Thắng       | 0918.124.276   | dtthang@blu.edu.vn    |
| 31 | Nguyễn Thị Sang        | 0919.747.633   |                       |
| 32 | Lưu Thị Liên           | 0914.967.349   |                       |
| 33 | Phạm Tiến Công         | 0913.647.871   |                       |
| 34 | Võ Thị Ngọc Huyền      | 0945.762.545   |                       |
| 35 | Nguyễn Trúc An         | 0333.090.333   | ntan@blu.edu.vn       |
| 36 | Ngô Ngọc Thảo          | 0943.288.579   | nnthao@blu.edu.vn     |
| 37 | Dương Thế Bảo          | 0776.514.675   | dtbao@blu.edu.vn      |
| 38 | Tạ Kim Oanh            | 0916.337.654   |                       |
| 39 | Sâm Ngọc Khả Tú        | 0793.659.644   | snktu@blu.edu.vn      |
| 40 | Trương Thị Như Ý       | 0972.996.939   | ttny@blu.edu.vn       |
| 41 | Huỳnh Thị Út           | 0949.436.959   | htut@blu.edu.vn       |
| 42 | Nguyễn Văn Út          | 0946.463.232   | nvut@blu.edu.vn       |
| 43 | Trương Thị Kiều        | 0944.878.527   |                       |

|    |                   |              |                    |
|----|-------------------|--------------|--------------------|
| 44 | Sơn Thanh Thoảng  | 0945.971.185 |                    |
| 45 | Diệp Kiều Trang   | 0913.458.993 |                    |
| 46 | Trần Tam Phương   | 0913.806.429 | tthuong@blu.edu.vn |
| 47 | Phan Văn Đàn      | 0918.023.310 |                    |
| 48 | Trần Nhật Bằng    | 0918.827.863 |                    |
| 49 | Triệu Yến Yến     | 0919.000.775 | tyyen@blu.edu.vn   |
| 50 | Võ Ngọc Lợi       | 0374 614 988 | vnloi@blu.edu.vn   |
| 51 | Tào Thanh Hải     | 0918 442 636 | tthai@blu.edu.vn   |
| 52 | Lâm Hoàng Mai     | 0948790190   | lhmai@blu.edu.vn   |
| 53 | Huỳnh Văn Viên    | 0914164116   | hvvien@blu.edu.vn  |
| 54 | Nguyễn Vinh Quang | 0916909737   | nvquang@blu.edu.vn |
| 55 | Ngô Huyền Trang   | 0919328448   |                    |
| 56 | Võ Minh Khang     | 0983828893   |                    |
| 57 | Nguyễn Tiến Phước | 0913039797   |                    |
| 58 | Phạm Minh Kết     | 0917946649   |                    |
| 59 | Vương Ngọc Bảo Hà | 0918836434   |                    |
| 60 | Nguyễn Chí Hậu    | 0888099116   |                    |
| 61 | Nguyễn Anh Thuý   | 0849798283   |                    |

### THÔNG TIN LIÊN HỆ LỚP TRƯỞNG CÁC LỚP

| STT | HỌ VÀ TÊN            | LỚP      | SỐ ĐIỆN THOẠI |
|-----|----------------------|----------|---------------|
| 1.  | Bùi Thị Cẩm Tú       | 16DKT1   | 0389295009    |
| 2.  | Nguyễn Hoàng Khương  | 16DKT2   | 0949828654    |
| 3.  | Phan Trần Hà My      | 16DQT    | 0832474354    |
| 4.  | Mã Thanh Phong       | 16DTCNH  | 0963.665.796  |
| 5.  | Trần Minh Luận       | 17DKT1   | 0365377244    |
| 6.  | Vưu Nhật Trường      | 17DKT2   | 0878772607    |
| 7.  | Lý Bảo Trân          | 17DQTKD1 | 0913492251    |
| 8.  | Đặng Lâm Phong Nhã   | 17DQKDT2 | 0389610845    |
| 9.  | Lý Băng Băng         | 17DTCNH  | 0913761931    |
| 10. | Trần Thị Khánh Vy    | 18DKT1   | 0399796638    |
| 11. | Nguyễn Thị Mai Trinh | 18DKT2   | 0942678522    |
| 12. | Đinh Thị Trà My      | 18DQTKD  | 0812449632    |
| 13. | Đoàn Huỳnh Hồng Nhân | 18DTCNH  | 0336.284.716  |
| 14. | Lý Tự Trọng          | 18DDLLH  | 0368237759    |
| 15. | Trần Trọng Nghĩa     | 19DKT1   | 0948009721    |
| 16. | Lý Như Băng          | 19DKT2   | 0839472078    |
| 17. | Trần Thuý An         | 19DQTKD1 | 0942560094    |
| 18. | Trần Hoàng Đạt       | 19DQTKD2 | 0816788296    |

|     |                 |          |            |
|-----|-----------------|----------|------------|
| 19. | Nguyễn Hoài Nhớ | 19DTCNH1 | 0911204376 |
| 20. | Hà Triệu Khánh  | 19DTCNH2 | 0836454253 |